**BẢNG KIỂM KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ GIAI ĐOẠN 4-6 THÁNG**

Dành cho cán bộ y tế tuyến xã phường tại trạm y tế

|  |  |
| --- | --- |
| **HÀNH CHÍNH** |   |
| 1. Họ và tên *(In hoa):*2. Sinh ngày:3. Giới:                                      □ Nam          □ Nữ4. Dân tộc:5. Nơi ở:6. Họ tên bố:                     Trình độ VH của bố:                   Nghề nghiệp của bố:7. Họ tên mẹ:                    Trình độ VH của mẹ:                  Nghề nghiệp của mẹ:8. Tiền sử:- Bản thân:- Gia đình: |   |
| **ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN** |   |
| Nhiệt độ:                                        □ Bình thường           □ Không bình thườngMạch:                                            □ Bình thường           □ Không bình thườngNhịp thở:                                        □ Bình thường           □ Không bình thườngHuyết áp (nếu trẻ có nguy cơ):SpO2 (nếu cần): |  |
| **ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG** |   |
| Chiều dài (cm)....................Chiều dài/Tuổi: ……….SDCân nặng(kg).....................Cân nặng/Tuổi………….SD□ Phù dinh dưỡng                □ Thiếu máu                □ Còi xương             □ Thiếu vitamin A |  |
|  |
|  |
| **ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG** |   |
| **Giai đoạn** | **Các kỹ năng phát triển** | **Kết quả** |   |
| **Có** | **Không** |   |
| Trẻ sơ sinh (dưới 1 tháng) | - Giật mình khi có tiếng động mạnh | □ | □ |   |
| - Nhìn chăm chú vào khuôn mặt người đối diện | □ | □ |  |
| 1-3 tháng | - Nhìn theo sự chuyển động của người hoặc đồ vật | □ | □ |   |
| - Nắm và mở các ngón tay, bàn tay | □ | □ |   |
| - Nhấc được đầu khi nằm sấp | □ | □ |   |
| 4-6 tháng | - Phản ứng với các âm thanh xung quanh, tiếng của cha mẹ (nín khóc, quay đầu, nhìn theo, phát ra tiếng ê a..) | □ | □ |   |
| - Phát ra các âm thanh khi có người nói chuyện với trẻ | □ | □ |   |
| - Mỉm cười với người khác | □ | □ |   |
| - Nhìn ngắm đồ vật, với tay về phía đồ vật | □ | □ |   |
| - Cầm nắm được đồ vật trong tay | □ | □ |  |
| - Biết lẫy | □ | □ |  |
| **ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG** |   |
| **Kiểm tra sổ tiêm chủng** | **Có** | **Không** |   |
| - Viêm gan B mũi 1(sơ sinh) | □ | □ |   |
| - Lao (sơ sinh) | □ | □ |   |
| - Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1 | □ | □ |   |
| - Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2 | □ | □ |   |
| - Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3 | □ | □ |   |
| - Uống vắc xin bại liệt lần 1 | □ | □ |   |
| - Uống vắc xin bại liệt lần 2 | □ | □ |   |
| - Uống vắc xin bại liệt lần 3 | □ | □ |   |
| - Tiêm vắc xin bại liệt IPV | □ | □ |   |
| **Tư vấn:** |   |
| **KHÁM LÂM SÀNG** |   |
| ***Quan sát:****Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ.**Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính.***1. Da:**□ Bình thường                 □ Không bình thường………………………………………………………………………………….**2. Đầu - cổ:*****2.1. Khám đầu-cổ:***-Thóp:                                               □ Bình thường           □ Không bình thường-Kích thước và hình dạng đầu:         □ Bình thường           □ Không bình thường- Khối bất thường:                              □ Có                          □ Không…………………………………………………………………………………………***2.2. Khám mắt***- Mí mắt và kết mạc:                                      □ Bình thường     □ Không bình thường- Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường:        □ Có     □ Không- Đồng tử (kích thước, phản xạ):            □ Bình thường      □ Không bình thường- Thị lực:   □ Bình thường                     □ Không bình thường…………………………………………………………………………………***2.3. Khám tai***- Màng nhĩ:                           □ Bình thường                    □ Không bình thường- Thính lực:                          □ Bình thường                □ Không bình thường…………………………………………………………………………………***2.4. Khám miệng:***□ Bình thường           □ Không bình thường…………………………………………………………………………………**3. Hô hấp**- Dấu hiệu suy hô hấp:              □ Có                □ Không- Tiếng thở bất thường               □ Có                □ Không- Nghe phổi                                □ Bình thường       □ Không bình thường…………………………………………………………………………………**4. Tim mạch**- Vị trí mỏm tim:               □ Bình thường                □ Không bình thường-Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn):       □ Bình thường         □ Không bình thường- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi):       □ Có              □ Không…………………………………………………………………………………**5. Bụng và cơ quan sinh dục**- Hình dáng bụng, rốn:              □ Bình thường           □ Không bình thường- Gan, lách to:             □ Có          □ Không- Khối bất thường:             □ Có              □ Không- Cơ quan sinh dục nam:               □ Bình thường            □ Không bình thường- Cơ quan sinh dục nữ:              □ Bình thường            □ Không bình thường……………………………………………………………………………………**6. Cơ xương và thần kinh**- Vận động không đối xứng            □ Có            □ Không- Phản xạ cơ:                  □ Bình thường            □ Không bình thường- Trương lực cơ bất thường:             □ Có          □ Không- Khớp háng:                 □ Bình thường             □ Không bình thường………………………………………………………………………………… |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| **KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN** |  |
| **Kết luận về sức khỏe:****□**Bình thường□ Có vấn đề về sức khỏe.Ghi rõ:**Tư vấn:**  |  |